

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23/5/2023
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Nhật Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Chấn

2/ Bà Phạm Thị Hiệp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu: Ông Phan Văn Thanh -
Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương S:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị S, sinh năm 1964. Địa chỉ: KP.P L, P.X Y, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Có mặt

Bị đơn: Ông Lê Văn Ú, sinh năm 1966. HKTT: KP.Ph L, P.X Y, thị xã S C, tỉnh Phú Yên. Hiện ở: Thôn Tr Tr, xã X Ph, thị xã S C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Đào Thị S và bị đơn ông Lê Văn Ú thống nhất trình bày, được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: Bà Đào Thị S và ông Lê Văn Ú tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ trước năm 1986 nhưng chưa đăng ký kết hôn; quá trình chung sống cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc, sau một thời gian chung sống thì bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bà S và ông Ú cố gắng hàn gắn nhưng không thành, hiện tại bà S và ông Ú không còn sống chung với nhau. Nay hai bên mâu thuẫn không tiếp tục sống chung được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Bà Đào Thị S và bị đơn ông Lê Văn Ú xác định quá trình chung sống hai vợ chồng có 03 con chung tên là Lê Thị Kim Chi, sinh ngày 1987; Lê Thị Kim Thư, sinh năm 1990 và Lê Thị Kim Viên, sinh năm 1997. Các con chung đã thành niên nên không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Đào Thị S và ông Lê Văn Ú thống nhất tự thoả thuận giải quyết không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đào Thị S và ông Lê Văn Ú xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

+ Việc tuân thủ pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 TTLT số 01 ngày 03/01/2001 của TANDTC-VKSNDTC-BTP và các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị S đối với ông Lê Văn Ú. Các con chung tên là Lê Thị Kim Chi, sinh ngày 1987; Lê Thị Kim Thư, sinh năm 1990 và Lê Thị Kim Viên, sinh năm 1997 đã thành niên bà S và ông Ú không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết, về tài sản chung bà S và ông Ú thống nhất tự thoả thuận giải quyết nên đề nghị HĐXX

không xét, về nợ chung bà S và ông Ú xác định không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về án phí bà Phạm Thị S phải chịu án phí dân S sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]*Về thẩm quyền*: Nguyên đơn bà Phạm Thị S yêu cầu toà án giải quyết ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 8 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn ông Lê Văn Ú cư trú tại thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên nên TAND thị xã Sông Cầu thụ lý giải quyết thuộc thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]*Về thủ tục tố tụng*: Ông Lê Văn Ú có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm a, b khoản 1 Điều 238 BLTTDS năm 2015, nên HĐXX xét xử vắng mặt đối với ông Ú.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đào Thị S và bị đơn ông Lê Văn Ú tự nguyện tìm hiểu và đi đến sống chung với nhau từ trước năm 1986, sống chung với nhau như vợ chồng từ đó đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, con chung là Lê Thị Kim Chi, sinh ngày 20/2/1987, như vậy chứng tỏ bà S và ông Ú sống chung với nhau trước ngày 03/01/1987 (ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực). Theo điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 TTLT số 01 ngày 03/01/2001 của TANDTC-VKSNDTC-BTP quy định: “*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn, thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn, thì Tòa án thụ lý vụ án giải theo quy định về ly hôn...*”. Việc bà S và ông Ú sống chung với nhau trước năm 1986 là hôn nhân thực tế

được pháp luật bảo vệ, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà S và ông Ú không còn sống chung với nhau từ nhiều năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ú là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[4.2]*Về con chung*: Bà Đào Thị S và ông Lê Văn Ú có 03 con chung tên là Lê Thị Kim Chi, sinh ngày 1987; Lê Thị Kim Thư, sinh năm 1990 và Lê Thị Kim Viên, sinh năm 1997. Các con chung đã thành niên, bà S và ông Ú không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4.3]*Về tài sản chung*: Bà Đào Thị S và ông Lê Văn Ú thống nhất tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4.4] *Về nợ chung*: Bà Đào Thị S và ông Lê Văn Ú xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]*Về án phí*: Nguyên đơn bà Đào Thị S phải chịu án phí dân S sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 , Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân S;

+ Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 TTLT số 01 ngày 03/01/2001 của TANDTC-VKSNDTC-BTP; Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị S đối với bị đơn ông Lê Văn Ú:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đào Thị S ly hôn với ông Lê Văn Ú.

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

[4] Về án phí: Bà Đào Thị S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân S sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp có tại biên lai thu tiền số 3219 ngày 19/8/2023 của Chi cục thi hành án dân S thị xã Sông Cầu.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương S
- VKSND T.x Sông Cầu, Phú Yên
- Chi cục thi hành án T.x Sông Cầu, Phú Yên
- UBND nơi ĐKKH
- TAND tỉnh Phú Yên
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lò Nhật Chuyên